TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2018/HS-ST
Ngày: 12-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy

Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Huy Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HS ngày 13-9-2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/ ngày 27-9-2018, đối với bị cáo:

V, sinh năm: 1947 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Họa sỹ; con ông L (đã chết) và bà T (đã chết); có vợ là Đ, sinh năm 1961 và 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự không. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt

- Những người bị hại:

Bà B, sinh năm 1968 - Có mặt

Anh T, sinh năm 1974 - Có mặt

Chị V, sinh năm 1971 - Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông

Ông P sinh năm 1969 - Có mặt

Bà S, sinh năm 1972 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông

Ông T, sinh năm 1958 - Có mặt

Bà C, sinh năm 1958 - Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắc

- Những người làm chứng:

Anh H, sinh năm 1970 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

Chị L, sinh năm 1993 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông

Anh V, sinh năm 1985 - Có mặt

Địa chỉ: Thôn c, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Chị M, sinh năm 1988 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn c, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắc

Ông MN, sinh năm 1962 – Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Chị T, sinh năm 1991 – Vắng mặt

Anh ĐT, sinh năm 1966 – Vắng mặt

Chị ML, sinh năm 1996 – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 3 năm 2015, bị cáo V đã đưa ra thông tin gian dối rằng có thể xin cho con của các gia đình vào làm việc tại các cơ quan Nhà nước và xin vào học tại trường Học viện Hậu cần. Do tin tưởng những thông tin mà V đưa ra là thật nên 04 hộ gia đình đã giao tiền, nhờ V xin việc làm, xin đi học cho con mình nhưng sau khi nhận được tiền V không thực hiện như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã nhận, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 8/2013, thông qua ông H, thời điểm này ông H là cán bộ Công an huyện Đ, bà B tìm đến V để nhờ V xin cho con gái bà B tên là T đã tốt nghiệp trường Cao đẳng Điện lực đi làm tại Cơ quan Nhà nước. V nói với bà B là V có thể xin cho cháu T vào làm trong ngành điện lực với chi phí 70.000.000 đồng. Vì tin lời V nói là thật nên ngày 20-8-2013, bà B đến nhà ông H gặp H (do bà B không biết nhà ông V) để giao tiền. Tại đây, bà B giao tiền cho V, V nhận tiền nhưng lại viết "giấy mượn

tiền" với nội dung V mượn bà B số tiền 70.000.000 đồng, rồi cả hai ký tên. Đến ngày 07-11-2013, V lấy lý do cần thêm 10.000.000 đồng để "lo việc" cho con gái bà B nên hẹn bà B tại quán cà phê Lan Hậu, thuộc tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ. Tại đây, bà B giao thêm cho V số tiền 10.000.000 đồng và ký vào "giấy mượn tiền" do V viết, với nội dung là V mượn bà B số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, V không xin được việc cho con bà B như đã hứa hẹn mà dùng số tiền 80.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: Trong quá trình nhờ V xin việc cho con của mình, bà B giới thiệu V cho em trai của mình là ông T. Vào khoảng tháng 11 năm 2014, khi gặp nhau tại quán cà phê Nhạc Trịnh thuộc tổ dân phố 3, thị trấn K, ông T nhờ V xin cho con gái là ML đi học hệ chính quy tại trường Học viện Hậu cần mà không cần thi tuyển. Mặc dù, không có khả năng xin cho ML nhưng V vẫn đồng ý giúp ông T với chi phí 150.000.000 đồng để "lo lót" cho suất học này, V đề nghị ông T đưa trước số tiền 100.000.000 đồng, 50.000.000 đồng còn lại đưa đủ khi cháu ML nhận quyết định nhập học. Để ông T thêm tin tưởng, V đưa ra thông tin là hồ sơ xin học gồm những giấy tờ gì để ông T chuẩn bị và hứa hẹn ML học trường này sẽ không phải lo học phí cũng như vị trí việc làm sau khi ra trường. Theo thông tin V cung cấp, ông T về bàn bạc với vợ là V thống nhất chuẩn bị tiền và hồ sơ để nhờ V xin cho cháu ML đi học. Ngày 10-12-2014, ông T, bà V và anh trai ông T là ĐT đến nhà V để giao tiền. Tại đây, ông T viết giấy giao nhận tiền với nội dung giao số tiền 100.000.000 đồng cho V nhằm mục đích xin đi học cho ML và các bên đều ký nhận. Ngoài ra, V còn yêu cầu ông T đưa thêm 200.000 đồng để làm giấy khám sức khỏe bổ sung hồ sơ xin việc nên ông T đã giao cho Việt thêm 200.000đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền, V không thực hiện như hứa hẹn từ trước mà chiếm đoạt số tiền 100.200.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào đầu năm 2015 thông qua ông H thì ông P và bà S (vợ của ông P) quen biết với V. Biết con gái ông P là L tốt nghiệp trường Đại học Tài nguyên - Môi trường nhưng chưa có việc làm, đang muốn xin việc cho con vào cơ quan Nhà nước nên V đưa ra thông tin rằng bản thân đã xin việc cho nhiều trường hợp và khẳng định chắc chắn sẽ xin được cho L vào làm việc tại Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Đắk Nông với điều kiện phải đưa cho V số tiền 230.000.000 đồng. V yêu cầu đưa trước cho V số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại đưa hết khi L được tuyển dụng vào ngành Công an. Để gia đình ông P thêm tin tưởng, V yêu cầu làm hồ sơ xin việc theo mẫu hồ sơ bán tại các cửa hàng văn phòng phẩm cùng các văn bằng, chứng chỉ công chứng. Do tin lời V nên ngày 03-02-2015, ông P cùng bà S và ông H đến nhà V để giao hồ sơ và giao nhận số tiền 70.000.000 đồng. V nhận tiền và viết 01 giấy mượn tiền với nội dung V mượn của bà S số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, V không xin việc cho cháu L mà tiêu xài hết số tiền nói trên.

Lần thứ tư: Vào đầu tháng 3/2015, thông qua con rể là anh V thì ông T và bà C (vợ ông T) biết đến Việt và nhờ V xin việc cho con gái là MN đã tốt nghiệp ngành Ngoại ngữ - Trường đại học Bình Dương. V đưa ra thông tin gian dối rằng có thể xin việc cho MN vào làm tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Nông với chi phí 140.000.000 đồng, đưa trước 70.000.000 đồng, số tiền còn lại đưa khi MN có quyết định đi làm. Đến ngày 12-3-2015, ông T và anh V đến nhà V để giao số tiền 70.000.000 đồng và hồ sơ xin việc. V nhận tiền và viết 01 giấy biên nhận vay tiền nội dung V vay ông T số tiền 70.000.000 đồng nhưng thực chất đây là số tiền ông T nhờ V xin việc cho con gái mình. V hứa hẹn tháng 6/2015, chị MN sẽ được đi làm nhưng tới thời gian trên, V không xin được việc mà chiếm đoạt số tiền trên.

Tổng số tiền V chiếm đoạt của 04 gia đình là 320.200.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo V đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho gia đình ông T và trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà B. Số tiền còn lại của cho ông T, bà V là 50.200.000đồng, của bà B số tiền 60.000.000đồng; của ông P, bà S số tiền 70.000.000 đồng; ông T, bà C số tiền 70.000.000 đồng bị cáo V chưa trả.

Cáo trạng số: 21/Ctr-VKS-ĐL ngày ngày 02-5-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp truy tố bị cáo về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng, không oan và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bà B khai là do có quen biết với ông H nên nhờ ông H xin việc cho con, sau khi trao đổi thì hẹn đến nhà ông H để giao tiền 70.000.000đồng. khi giao tiền thì ông H là người nhận tiền còn ông V là người viết giấy nhận tiền với nội dung là mượn tiền của bà B. Đến ngày 07-11-2013, V lấy lý do cần thêm 10.000.000 đồng để "lo việc" cho con gái bà B nên hẹn bà B tại quán cà phê Lan Hậu, thuộc tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện Đ. Tại đây, bà B giao thêm cho V số tiền 10.000.000 đồng và ký vào "giấy mượn tiền" do V viết, với nội dung là V mượn bà B số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên ông V hẹn hết lần này đến lần khác nhưng cũng không được việc cho con gái nên bà B yêu cầu ông V trả lại tiền nhưng ông V không trả. Do đó mới làm đơn tố cáo ông V. Quá trình điều tra thì ông V đã trả cho bà B được 20.000.000đồng. Nay bà V yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền là 60.000.000đồng và xử phạt bị cáo V với mức hình phạt cao theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T, bà V trình bày: Qua giới thiệu từ bà B nên ông T biết V nên khoảng tháng 11 năm 2014, khi gặp nhau tại quán cà phê Nhạc Trịnh thuộc tổ dân phố 3, thị trấn K, ông T nhờ V xin cho con gái là ML đi học hệ chính quy tại trường Học viện Hậu cần mà không cần thi tuyển, ông V nhận lời và đưa ra với chi phí 150.000.000 đồng để "lo lót" cho suất học, V đề nghị ông T đưa trước số tiền 100.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng còn lại đưa đủ khi cháu ML nhận quyết định nhập học. V đưa ra thông tin là hồ sơ xin học gồm những giấy tờ gì để ông T chuẩn bị và hứa hẹn ML học trường này sẽ không phải lo học phí cũng như vị trí việc làm sau khi ra trường. Ông T về bàn bạc với vợ là V thống nhất. Ngày 10-12-2014, ông T, bà V và anh trai ông T là ĐT đến nhà V để giao tiền. Tại đây, ông T viết giấy giao nhận tiền với nội dung giao số tiền 100.000.000 đồng nhằm mục đích xin đi học cho Ml và các bên đều ký nhận. Ngoài ra, V còn yêu cầu ông T đưa thêm 200.000 đồng để làm giấy khám sức khỏe bổ sung hồ sơ xin việc nên ông T đã giao cho V thêm 200.000đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền, V không thực hiện như hứa hẹn từ trước mà chiếm đoạt số tiền 100.200.000 đồng. Quá trình điều tra V đã trả được 50.000.000đồng. Nay ông T, bà V yêu cầu bị cáo phải trả số tiền còn lại là 50.200.000đồng và về hình phạt đề nghị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông P và bà S khai đầu năm 2015 thông qua ông H thì ông P và bà S quen biết với V nên nhờ V xin cho con gái là L tốt nghiệp trường Đại học Tài nguyên - Môi trường làm việc cho con vào cơ quan Nhà nước nên V đưa ra thông tin rằng bản thân đã xin việc cho nhiều trường hợp và khẳng định chắc chắn sẽ xin được cho L vào làm việc tại Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Đắk Nông với điều kiện phải đưa cho V số tiền 230.000.000 đồng. V yêu cầu đưa trước cho V số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại đưa hết khi L được tuyển dụng vào ngành Công an. Do tin lời V nên ngày 03-02-2015, ông P cùng bà S và ông H đến nhà V để giao hồ sơ và giao nhận số tiền 70.000.000 đồng. V nhận tiền và viết 01 giấy mượn tiền với nội dung V mượn của bà S số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, V không xin việc cho cháu L. Nay ông P, bà S yêu cầu bị cáo phải trả số tiền là 70.000.000đồng và về hình phạt đề nghị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T và bà C khai vào đầu tháng 3/2015, thông qua con rể là anh V thì ông T và bà C biết đến V và nhờ V xin việc cho con gái là MN đã tốt nghiệp ngành Ngoại ngữ - Trường đại học Bình Dương. V đưa ra thông tin gian dối rằng có thể xin việc cho MN vào làm tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Nông với chi phí 140.000.000 đồng, đưa trước 70.000.000 đồng, số tiền còn lại đưa khi MN có quyết định đi làm. Đến ngày 12-3-2015, ông T và anh V đến nhà V để giao số tiền 70.000.000 đồng và hồ sơ xin việc. V nhận tiền và viết 01 giấy biên nhận vay tiền nội dung V vay ông T số tiền 70.000.000 đồng nhưng thực chất đây là số tiền ông T nhờ V xin việc cho con gái mình. V hứa hẹn tháng 6/2015,

chị MN sẽ được đi làm nhưng tới thời gian trên, V không xin được việc mà chiếm đoạt số tiền trên. Nay ông T, bà C yêu cầu bị cáo phải trả số tiền là 70.000.000đồng và về hình phạt đề nghị xử phạt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và khẳng định quyết định truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi xem xét, đánh giá các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo V từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận bị cáo V đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông T, bà V và trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà B. Số tiền còn lại buộc bị cáo phải trả cho ông T, bà V số tiền 50.200.000đồng; trả cho bà B số tiền 60.000.000đồng; trả cho ông P, bà S số tiền 70.000.000 đồng; trả cho ông T, bà C số tiền 70.000.000 đồng.

Đối với hành vi của ông H và anh TH là những người giới thiệu V cho bà B và ông P. Tuy nhiên, ông H và anh TH không biết bị cáo V đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản và cũng không nhận được bất kỳ lợi ích gì nên không có căn cứ xử lý.

Chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là khách quan và đúng pháp luật.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, các chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng thời gian từ tháng 8/2013 đến tháng 3/2015, bị cáo lợi dụng lòng tin của các gia đình có con có nhu cầu tìm việc làm và xin đi học cho con tại các trường cao đẳng, đại học nên bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối, sai sự thật cho rằng có thể xin việc cho con họ vào làm việc tại các cơ quan nhà nước và vào học tại trường Học viện Hậu cần để chiếm đoạt số tiền của bà B số tiền 80.000.000 đồng, của ông T, bà V số tiền 100.200.000 đồng, của ông P, bà S số tiền 70.000.000 đồng và của ông T, bà C số tiền

70.000.000 đồng để tiền tiêu sài. Tổng số tiền bị cáo V chiếm đoạt của 04 gia đình là 320.200.000đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Xét thấy bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhöng với động cơ vụ lợi, xem thường Pháp luật, bị cáo đã có hành vi gian dối tự nhận mình có các mối quan hệ quen biết và có khả năng xin được việc làm và xin được vào các trường cao đẳng, đại học cho những gia đình có con em có nhu cầu, bị cáo đã lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin, mất cảnh giác của gia đình chị B, ông T, ông P và ông T để chiếm đoạt tổng số tiền là 320.200.000đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội.

[4]. *Về tình tiết định khung hình phạt*: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản tổng số tiền là 320.200.000đồng, giá trị tài sản từ hai trăm triệu đến dưới năm trăm triệu đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[5]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Tình tiết giảm nhẹ là bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại bà B 20.000.000đồng và ông T số tiền 50.000.000đồng; người phạm tội từ 70 tuổi trở lên; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha bị cáo là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định, cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7]. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất hành vị phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới bảo đảm được mục đích của hình phạt.

[8]. Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra bị cáo V đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho gia đình ông T và trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà B nhằm khắc phụ một phần hậu quả cần được chấp nhận. Số tiền còn lại buộc bị cáo phải trả cho ông T, bà V số

tiền 50.200.000đồng; trả cho bà B số tiền 60.000.000đồng; trả cho ông P, bà S số tiền 70.000.000 đồng; trả cho ông T, bà C số tiền 70.000.000 đồng.

[9]. Đối với hành vi của ông H và anh TH là những người giới thiệu V cho chị B và anh P. Tuy nhiên, ông H và anh TH không biết bị cáo V đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản và cũng không nhận được bất kỳ lợi ích gì nên không có căn cứ xử lý.

[10]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[11]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo V 06 (sáu) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án

2.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999. Buộc bị cáo V phải trả cho ông T, bà V số tiền 50.200.000đồng; trả cho bà B số tiền 60.000.000đồng; trả cho ông P, bà S số tiền 70.000.000 đồng; trả cho ông T, bà C số tiền 70.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo V phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 12.510.000đồng (*mười hai triệu năm trăm mười nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;

- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R’Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R’Lấp;
- Công an huyện Đắk R’Lấp;
- Bị cáo;
- Những người bị hại;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Đoàn Công Tài